

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-BCT ngày 03/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 4214/QĐ-BKHCN ngày 17/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số;

Căn cứ Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 297/TTr-SCT ngày 18/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND xã, phường; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch tỉnh, các PCT UBND tỉnh;
- NHNN chi nhánh khu vực 12;
- Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân tỉnh;
- Các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, thương nhân hoạt động thương mại điện tử;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, TPKTTH, KGVX, THĐT;
- + Trung tâm thông tin (đăng tải);
- + Lưu: VT, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Thịnh

CHƯƠNG TRÌNH

**Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số
tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-BCT ngày 03/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 4214/QĐ-BKHCN ngày 17/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số.

UBND tỉnh ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình kinh doanh truyền thống sang kinh doanh trực tuyến hiệu quả và bền vững, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế số - xã hội số, thực hiện thắng lợi các mục tiêu chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh.

Tăng cường sự hiện diện, quảng bá, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP và các ngành hàng, dịch vụ của địa phương trên các nền tảng số, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế.

Nâng cao năng lực số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân; góp phần thay đổi thói quen tiêu dùng và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, nâng cao tỷ trọng giao dịch thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh.

Tạo môi trường giao dịch, mua sắm trên môi trường trực tuyến minh bạch, an toàn, tiện lợi và bền vững, bảo đảm tuân thủ pháp luật và quyền lợi người tiêu dùng qua đó củng cố niềm tin của người tiêu dùng trên môi trường số.

2. Yêu cầu

Các sản phẩm, dịch vụ của tỉnh, sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiêu biểu, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề của địa phương đưa lên các nền tảng số phải đảm bảo chất lượng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định, áp dụng truy xuất nguồn gốc, đầy đủ mã số, mã vạch, ghi nhãn hàng hóa, thông tin minh bạch, dễ tra cứu, tạo thuận lợi cho người tiêu dùng lựa chọn.

Các hoạt động phải được triển khai đồng bộ, thiết thực, đạt hiệu quả chất lượng cao và phù hợp với điều kiện thực tiễn, nguồn lực của từng đơn vị, tránh hình thức, phô trương, lãng phí.

Tăng cường phối hợp, liên kết, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các xã, phường, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã... trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của địa phương.

Tỷ lệ người dân tham gia mua sắm, sử dụng dịch vụ trên không gian mạng và giao dịch thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt hàng năm tăng mạnh, góp phần hình thành thói quen tiêu dùng số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử từ các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số; mở rộng phạm vi giao dịch khách hàng, đưa sản phẩm địa phương ra thị trường trong nước và quốc tế thông qua các sàn thương mại điện tử và nền tảng kinh doanh trực tuyến.

Từng bước xây dựng thương hiệu số cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh, tăng cường khả năng nhận diện và cạnh tranh của các doanh nghiệp trên môi trường số.

Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ của địa phương trên môi trường số tin cậy, minh bạch và an toàn trên các ứng dụng công nghệ số theo tiêu chuẩn, quy định của pháp luật; đẩy mạnh giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu, phát triển thương mại điện tử theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững, tạo động lực tăng trưởng kinh tế số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu năm 2026

Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 90%.

Tối thiểu 45% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc trưng cấp tỉnh và sản phẩm gắn với chương trình sản phẩm OCOP của tỉnh

được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ;

Phấn đấu trên 50% sản phẩm OCOP tạo tài khoản, đưa sản phẩm lên Hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh; Tối thiểu 30% các sản phẩm OCOP sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm khả năng tương tác và trao đổi dữ liệu với hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Tỷ lệ các giao dịch qua thương mại điện tử thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 60%, hình thành thói quen tiêu dùng số.

Đạt tỷ lệ từ 80% các giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử được sử dụng hóa đơn điện tử.

Tổ chức các hội nghị trực tiếp/trực tuyến tập huấn, bồi dưỡng phổ biến và nâng cao kiến thức pháp luật về thương mại điện tử, kỹ năng thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

b) Mục tiêu đến năm 2030

Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 95%.

Phấn đấu đạt tối thiểu 60% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc trưng cấp tỉnh và sản phẩm gắn với chương trình sản phẩm OCOP của tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ;

Phấn đấu 100% sản phẩm OCOP tạo tài khoản, đưa sản phẩm lên Hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh; Tối thiểu 60% các sản phẩm OCOP sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm khả năng tương tác và trao đổi dữ liệu với hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Tỷ lệ các giao dịch qua thương mại điện tử thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 80%, hình thành thói quen tiêu dùng số.

Phấn đấu đạt đến 100% các giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử được sử dụng hóa đơn điện tử.

Tổ chức ít nhất 10 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng phổ biến và nâng cao kiến thức pháp luật thương mại điện tử, kỹ năng thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử phần đầu đạt 60% trở lên; trong đó 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện kinh doanh trên sàn thương mại điện tử và các nền tảng số.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Hỗ trợ thúc đẩy đưa sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số

a) Triển khai Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ chuyển đổi số, sử dụng các nền tảng số phù hợp để quản lý bán hàng hiệu quả, cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ, mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng, phát triển thương mại điện tử trên môi trường số.

b) Tư vấn, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh xây dựng và tham gia các gian hàng trên sàn thương mại điện tử trong nước và nước ngoài như Shopee, Sendo, Lazada, Tiki, Alibaba, Amazon,... Duy trì và tăng cường quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử thông qua các gian hàng nông sản, sản phẩm OCOP, trong đó ưu tiên các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiêu biểu... của tỉnh, đảm bảo chất lượng, nguồn gốc; Triển khai giải pháp kết nối nông dân với người tiêu dùng qua nền tảng số.

c) Kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức cá nhân với các sàn thương mại điện tử, đơn vị vận chuyển, khuyến khích phát triển các hệ thống logistics trên địa bàn tỉnh và đơn vị tổ chức cung ứng các giải pháp thanh toán điện tử để hỗ trợ các đơn vị tham gia chuỗi cung ứng số hiệu quả.

d) Thành lập chi nhánh Câu lạc bộ KOL và KOC tỉnh Bắc Ninh trực thuộc Câu lạc bộ KOLs và KOCs Việt Nam, thành viên Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam nhằm thúc đẩy sự kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông sản, hàng hóa đã trung, sản phẩm OCOP của tỉnh trên phạm vi toàn quốc và thế giới.

2. Đào tạo kỹ năng số và thương mại điện tử

a) Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến (online) và trực tiếp (offline) như tổ chức hội thảo, tọa đàm, hội nghị...; hướng dẫn kỹ năng số cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, thương nhân, hộ kinh doanh, thanh niên khởi nghiệp... về kỹ năng kinh doanh số như: cách thức lập tài khoản, kỹ năng bán hàng trực tuyến, thiết lập gian hàng trên sàn thương mại điện tử, Facebook, livestream, TikTok..., quảng bá sản phẩm, dịch vụ, kỹ năng marketing, đóng gói, xử lý đơn hàng và sử dụng công cụ số nâng cao hiệu suất kinh doanh; đồng thời trang bị kiến thức về nhận diện, phòng chống các rủi ro, hành vi lừa đảo trên không gian mạng.

b) Hỗ trợ đăng ký website bán hàng, trang thông tin điện tử (sử dụng tên

miền quốc gia “.vn”) và giao dịch thư điện tử (email) cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển thương mại điện tử, cung cấp thông tin và quảng bá sản phẩm.

c) Triển khai Chương trình toàn dân học tập số/Công dân số vào ngày 10/10 hằng năm (ngày chuyển đổi số quốc gia). Trong đó kết hợp các hoạt động trực tuyến và trực tiếp, hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số; bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho tổ cộng đồng công nghệ số trên địa bàn nhằm bồi dưỡng kỹ năng số cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản để tiếp cận thông tin, sử dụng tiện ích, giao dịch an toàn trên môi trường số.

d) Tổ chức các hội thảo, tập huấn nâng cao kiến thức quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại địa phương.

đ) Phối hợp đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân có nhu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc.

e) Mở rộng kết nối, hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán để ứng dụng dịch vụ, tiện ích thanh toán điện tử.

3. Liên kết hợp tác và xúc tiến thương mại số

a) Tổ chức các sự kiện, chương trình quảng bá trực tuyến, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch, dịch vụ, văn hóa trên môi trường số để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; tổ chức hoạt động gian hàng số tại các sự kiện thương mại điện tử, hội chợ trực tuyến, trực tiếp trong nước nhằm quảng bá sản phẩm địa phương.

b) Hỗ trợ, liên kết website của thương nhân với các sàn giao dịch thương mại điện tử, thường xuyên, kịp thời cung cấp các thông tin trên sàn giao dịch về thị trường sản phẩm, hàng hóa, thủ tục, quy định xuất nhập khẩu của các nước đã ký Hiệp định thương mại với Việt Nam.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia diễn đàn, hội nghị thương mại điện tử, hội nhập kinh tế quốc tế để tìm kiếm đối tác; tận dụng các hiệp định FTA để thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới, hỗ trợ đưa hàng hóa lên các sàn thương mại điện tử quốc tế. Kết hợp đẩy mạnh truyền thông với triển khai cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong kỷ nguyên số.

d) Liên kết doanh nghiệp nội địa với các tập đoàn sản xuất toàn cầu, làm chìa khóa để nâng cao năng lực sản xuất, tăng tỷ lệ nội địa hóa và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tăng cường hỗ trợ và có chiến lược thúc đẩy phát triển các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tích hợp các dịch vụ liên quan, đào tạo nghề và trung tâm đổi mới sáng tạo thông qua các chính sách của Trung ương và địa

phương một cách hiệu quả, giúp các doanh nghiệp FDI giảm chi phí sản xuất, chi phí tìm kiếm đối tác, kiến tạo hệ sinh thái doanh nghiệp địa phương lớn mạnh, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, từ đó tạo sức hút với các doanh nghiệp lớn trên thế giới đối với doanh nghiệp nội địa trên địa bàn tỉnh.

đ) Tập trung trọng tâm các chương trình hội chợ, triển lãm ngành hàng tầm khu vực, quốc tế thông qua các doanh nghiệp tổ chức sự kiện lớn mang tầm quốc tế nhằm giới thiệu, quảng bá, kết nối với các doanh nghiệp nước ngoài đối với các sản phẩm công nghiệp, khoa học, nông sản... của tỉnh có thể mạnh và đứng vững trên thị trường quốc tế, như Công ty TNHH Fuji Holdings; Informa Markets; Cosmo Entertainment; RedEvent...

4. Cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số

a) Thúc đẩy phát triển mạng cáp quang băng thông rộng, tốc độ cao phủ sóng toàn diện, trong đó quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, vùng dân tộc thiểu số; mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ cao hơn theo quy định tại Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025-2030.

b) Đẩy mạnh triển khai các giải pháp thanh toán điện tử hiện đại (thanh toán qua di động, QR Code, ví điện tử...), tại các điểm bán hàng, dịch vụ, đặc biệt trong siêu thị, trung tâm thương mại lớn trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Hỗ trợ và khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt tại các chợ truyền thống trên địa bàn toàn tỉnh. Khuyến khích tiểu thương, hộ kinh doanh sử dụng phương thức thanh toán số thay cho tiền mặt thông qua các hình thức như hưởng chính sách ưu đãi, giảm phí giao dịch ngân hàng, ví điện tử...

d) Duy trì và Phát triển hạ tầng thương mại điện tử Smart locker nhằm tăng cường hiệu quả cho các đơn vị vận chuyển, doanh nghiệp logistics (Viettel Post - đã và đang triển khai hệ thống tủ giao nhận hàng thông minh Smart box), giúp giảm thiểu quy trình giao nhận, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu suất vận hành, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi, trong việc giao nhận đơn hàng, thanh toán của người tiêu dùng...

5. Xây dựng niềm tin số cho người tiêu dùng

a) Nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ như Blockchain, IoT, AI... và các công nghệ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đào tạo trực tuyến, trực tiếp để nâng cao nguồn nhân lực công nghệ số.

b) Thiết lập kênh tiếp nhận và giải quyết khiếu nại trực tuyến hiệu quả, phối hợp liên ngành xử lý nhanh các hành vi gian lận, buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ... được tiêu thụ trên các nền tảng mạng xã hội.

c) Tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử; tham gia hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và phản ứng nhanh để kịp thời xử lý các hành vi vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử; tăng cường thực thi các chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử nhằm thực hiện hiệu quả công tác phòng chống hàng giả, hàng nhái, hàng cấm, hàng xâm phạm sở hữu trí tuệ, bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

d) Hỗ trợ triển khai công tác truy xuất nguồn gốc cho hàng nông sản, sản phẩm OCOP (dán mã QR, tem truy xuất) để người tiêu dùng kiểm tra xuất xứ, nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Tăng cường truyền thông, cảnh báo cho người tiêu dùng về các rủi ro trong giao dịch trên các nền tảng mạng xã hội không minh bạch, vi phạm pháp luật; thường xuyên đăng tải khuyến cáo về hàng giả, lừa đảo trên các phương tiện thông tin; phổ biến kiến thức pháp luật để người tiêu dùng tự bảo vệ quyền lợi.

IV. NGUỒN KINH PHÍ

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) theo phân cấp hiện hành.

2. Từ nguồn tài trợ, viện trợ, hợp tác quốc tế của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn tự có và vốn huy động của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia các hoạt động Chương trình.

3. Nguồn kinh phí khác phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, thương nhân triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phần III, cụ thể: các điểm a, b, c, Mục 1; các điểm a, b, Mục 2; các điểm a, b, c, d, đ Mục 3; điểm d, Mục 4; các điểm b, c, Mục 5.

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình; tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện vào tháng 12 hằng năm.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, thương nhân triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phần III, cụ thể: điểm d, Mục 1; các điểm c, d, đ, Mục 2; điểm d, Mục 3; điểm a, Mục 4; điểm a, Mục 5.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, thương nhân triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phần III, cụ thể: các điểm d, đ, Mục 2; điểm d, Mục 3; điểm d, Mục 5.

4. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phần III, cụ thể: điểm d, Mục 1; các điểm a, d, Mục 3; điểm d, Mục 4.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 12

Chủ trì, chỉ đạo các ngân hàng thương mại, các đơn vị thanh toán trung gian triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phần III, cụ thể: điểm e, Mục 2; điểm d, Mục 3; các điểm b, c, Mục 4.

6. UBND xã, phường

Chủ động phối hợp với Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tại địa phương đạt hiệu quả.

7. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đẩy nhanh tiến độ phát triển hạ tầng số hiện đại, phủ sóng diện rộng (mạng cáp quang, trạm phát sóng 5G, 6G...), ưu tiên quan tâm các vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi...; cung cấp các ứng dụng số tiện ích, tiện lợi nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, thương nhân trên địa bàn toàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc hỗ trợ, thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân.

8. Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân tỉnh; các doanh nghiệp, hợp tác xã, thương nhân trên địa bàn tỉnh

Tuyên truyền sâu rộng đến các hội viên và các tầng lớp nhân dân về các quy định pháp luật trong nước và quốc tế về Luật Thương mại điện tử; chính sách, kế hoạch phát triển thương mại điện tử của Trung ương và tỉnh Bắc Ninh.

Tham gia các Chương trình hoạt động nhằm thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Bắc Ninh.

Đẩy mạnh triển khai đầu tư ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để tiết giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất; phối hợp với Sở, ngành và các đơn vị liên quan xây dựng, đề

xuất triển khai các đề án hỗ trợ ứng dụng thương mại điện tử và chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất...

Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp hội viên với các sàn thương mại điện tử, chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực để cùng thúc đẩy phát triển thị trường số.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình, quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, tháo gỡ và giải quyết kịp thời./.